

Số: 63 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận Một cửa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng tại Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2025 thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính có mã 2.000784 được công bố tại Quyết định số 3730/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 11 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn; (để b/c);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP2(NTPhuong), ATHT3 (TTHHuyền).



Phạm Tiến Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2026
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1.	2.000784	Thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thông tư số 60/2025/TT- NHNN ngày 30/12/2025 quy định về điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung hồ sơ.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 (trừ công ty con, công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản) gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần;

c) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung sau:

(i) Tên (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài), địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần;

(ii) Tên (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài), địa chỉ trụ sở chính, nội dung hoạt động, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Lý do, sự cần thiết của việc góp vốn, mua cổ phần;

(iv) Dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ vốn góp; dự kiến số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần;

(v) Vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng trước khi thực hiện góp vốn, mua cổ phần;

(vi) Dự kiến vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(vii) Tỷ lệ nợ xấu của từng tháng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

(viii) Tình hình chấp hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

(ix) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(x) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(xi) Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng; số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị;

(xii) Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của doanh nghiệp sau khi được tổ chức tín dụng góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(xiii) Đánh giá tác động của việc góp vốn, mua cổ phần đến tình hình tài chính, quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng;

d) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị của tổ chức tín dụng đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán, tổ chức tín dụng phải cung cấp tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn, mua cổ phần và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi) khoản 1 Điều này và thông tin về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng, việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(vii), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii) khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 và các nội dung sau:

(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(ii) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii) khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 và các thông tin sau:

(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(ii) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Thông tin về khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần, gồm: Thực trạng của khoản nợ được dự kiến chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần (số dư của khoản nợ, nhóm nợ, khả năng thu hồi khoản nợ); số vốn góp, tỷ lệ vốn góp hoặc số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần được hình thành từ việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng (bao gồm ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

- **Yêu cầu, điều kiện:**

1. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 (trừ công ty con là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản):

a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

c) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

d) Kết quả hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

e) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhỏ hơn 3% trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

g) Đảm bảo có cơ cấu tổ chức quản lý; số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tuân thủ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị.

2. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 (trừ công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản):

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, d, đ, e, g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

c) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

3. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản:

a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

b) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

c) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

4. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025:

a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Đảm bảo tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

5. Điều kiện thực hiện chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025:

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần phải là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần là để xử lý khoản nợ xấu. Nợ xấu là nợ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân

loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 quy định về điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng)

Tên của TCTD**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC GÓP VỐN,
MUA CỔ PHẦN**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng (nêu rõ tên, số định danh của tổ chức) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần như sau:

1. Thông tin chung về công ty con, công ty liên kết được thành lập, mua lại hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp, vốn cổ phần, nhận chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có); tên viết tắt (nếu có);

b) Địa chỉ hiện nay (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc địa chỉ dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết);

c) Mức vốn điều lệ (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc mức vốn điều lệ dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết);

d) Nội dung hoạt động (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc nội dung hoạt động dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết);

đ) Thời hạn hoạt động (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc thời hạn hoạt động dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết).

2. Tổ chức tín dụng (nêu rõ tên) cam kết:

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần là chính xác, trung thực;

- Đáp ứng các điều kiện để được thực hiện góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp theo quy định tại Thông tư này;

- Khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần là để xử lý nợ xấu (đối với trường hợp chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần để xử lý nợ xấu).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TCTD

(Ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: Mẫu văn bản này chỉ quy định những nội dung chủ yếu cần có, ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành có thể bổ sung thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết)